

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

PGS, TSKH TRẦN NGUYỄN TUYẾN

Hội đồng Lý luận Trung ương

Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia; thúc đẩy hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, tranh thủ được các nguồn lực như vốn đầu tư, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý... tạo thêm nhiều việc làm; nâng cao dân trí và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta đã đạt được những thành tựu và còn một số hạn chế.

1. Chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế

Ngay từ khi lập quốc, trong Lời kêu gọi Liên hợp quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”¹.

Đây là những tư tưởng quan trọng đặt cơ sở cho việc hình thành chủ trương hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng của nước ta sau này. Do điều kiện chiến tranh và hoàn cảnh khách quan, Việt Nam lúc đó chưa thực hiện được đầy đủ nội dung hội nhập như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định.

Sau khi thống nhất đất nước, Đại hội IV (1976) của Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh tế đối ngoại trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, Việt Nam đã tích cực tham gia cơ chế hợp tác của các nước XHCN trong khuôn khổ Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) do Liên Xô đứng đầu. Mặc dù sự hợp tác kinh tế trong khối SEV còn mang tính bao cấp, chưa chú trọng đến cơ chế phân công trên cơ sở thế mạnh của từng nước, chưa tiếp nhận kinh tế thị trường, tuy vậy sự giúp đỡ của các nước XHCN đã góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đại hội VI (1986) của Đảng đã mở đầu quá trình đổi mới đất nước với bước ngoặt trong tư duy về hội nhập quốc tế của Đảng, Đại hội VI khẳng định: “Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh

thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học-kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi”². Nghị quyết Đại hội VI cũng xác định nội dung chính của chính sách kinh tế đối ngoại bao gồm: đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Sau Đại hội VI, tình hình quốc tế có thay đổi. Năm 1988, Đảng chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, bình thường hóa quan hệ với Mỹ và Trung Quốc. *Luật Đầu tư nước ngoài* được ban hành tháng 12-1987 có ý nghĩa quan trọng, là văn bản pháp lý đầu tiên thể hiện quyết tâm hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm kêu gọi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Đại hội VII (1991) của Đảng đưa ra đường lối đối ngoại rộng mở: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” mở ra bước đột phá trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Đại hội VII đã xác định nguyên tắc cơ bản trong hội nhập kinh tế quốc tế là: “Mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi”³.

Đại hội VII của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (1991-2000)*, xác định đường lối đối ngoại rộng mở với phương châm: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”⁴.

Hội nghị Trung ương 3 khóa VII của Đảng đã ra Nghị quyết về chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại, trong đó nêu tư tưởng chỉ đạo bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền và an ninh quốc gia; bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định

hướng XHCN; bảo đảm bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và 4 phương châm trong hội nhập kinh tế quốc tế gồm: Bảo đảm lợi ích dân tộc, trong đó kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; *Giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường*, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; Năm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; Ưu tiên hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Đại hội VIII (1996) của Đảng đã có bước phát triển hơn về tư duy đối ngoại và hội nhập quốc tế khi xác định nhiệm vụ mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế: Tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

Ngày 18-11-1996, Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về kinh tế đối ngoại nhằm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. HNTU 4 khóa VIII nêu nhiệm vụ “Tích cực chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế. Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO, có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện cam kết trong khuôn khổ AFTA”⁵. Hội nghị đã đưa ra chủ trương “xây dựng nền kinh tế mở”, “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”. Hội nghị nhấn mạnh phải mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi.

Đại hội IX (2001) của Đảng xác định chủ trương: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần *phát huy tối đa nội lực*,

nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, *bảo đảm độc lập tự chủ* và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”¹⁶.

Ngày 27-1-2001, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về “Hội nhập kinh tế quốc tế”, đã đáp ứng được kịp thời những đòi hỏi khách quan của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. HNTU 9 khóa IX khẳng định: “Tiếp tục chủ động hội nhập, thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế”, “Xây dựng chiến lược tổng thể hội nhập kinh tế quốc tế ở các cấp độ: toàn cầu, khu vực và song phương”¹⁷. Đảng xác định độc lập tự chủ là cơ sở để thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, đồng thời nhân mạnh Việt Nam, không chỉ “sẵn sàng là bạn” mà còn sẵn sàng “là đối tác tin cậy của các nước” và “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”. Đây là một bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy về đối ngoại và hội nhập quốc tế nói chung của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Chủ trương hội nhập quốc tế được tiếp tục phát triển trong Đại hội X (2006) của Đảng: “Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với Chiến lược Phát triển kinh tế-xã hội của đất nước đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác, chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á-Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương, tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa các

thách thức, rủi ro khi Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”¹⁸.

Năm 2006, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), việc gia nhập WTO đã tạo ra nhiều thời cơ và thách thức đối với nền kinh tế. Do vậy, HNTU 4 khóa X (2007) đã ban hành Nghị quyết “Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới”, Nghị quyết xác định quan điểm chỉ đạo, hệ thống các giải pháp cụ thể thực hiện thắng lợi hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong bối cảnh mới.

Đại hội XI (2011) của Đảng xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế đất nước; vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹⁹. Đại hội đã đánh dấu sự thay đổi về tư duy của Đảng về hội nhập quốc tế, thể hiện tầm nhìn chiến lược toàn diện, mở rộng hội nhập với quy mô toàn diện trên các lĩnh vực, đây không chỉ là sự chủ động tích cực hội nhập trong lĩnh vực kinh tế mà còn tích cực trên các lĩnh vực khác như chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh-quốc phòng, khoa học-công nghệ...

Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò của hội nhập quốc tế trong công cuộc đổi mới đất nước, nhân mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là nội dung cơ bản của hội nhập quốc tế. Đại hội đã phát triển hơn định hướng về hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới, xác định: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia-dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường

lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹⁰.

Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 5-11-2016, về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Nghị quyết xác định rõ quan điểm, đề ra những nhiệm vụ, các giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh mới.

Qua 30 năm đổi mới, quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế đã có sự kế thừa, phát triển đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

2. Một số kết quả

Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng trong thời kỳ đổi mới đã đi vào thực tiễn và phát huy tác dụng đem lại những thành quả quan trọng:

Tháng 12-1987, Nhà nước ban hành *Luật Đầu tư nước ngoài* tại Việt Nam.

Năm 1993, chúng ta đã khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, ADB, WB.

Ngày 28-7-1995, Việt Nam đã chính thức gia nhập ASEAN, đồng thời tham gia Khu vực Mậu dịch tự do (AFTA). Từ ngày 1-1-1996, Việt Nam

bắt đầu thực hiện nghĩa vụ vào các cam kết trong các Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của AFTA.

Tháng 3-1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn Hợp tác Á-Âu (ASEM) với tư cách thành viên sáng lập. ASEM hợp tác chủ yếu tập trung vào thuận lợi hóa thương mại và đầu tư, hợp tác giữa các nhà doanh nghiệp Á-Âu.

Ngày 15-6-1996, Việt Nam đã gửi đơn xin gia nhập Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) và tháng 11-1998 đã được công nhận là thành viên chính thức của tổ chức này.

Ngày 13-7-2000, Hiệp định Thương mại Việt Nam-Hoa Kỳ (BTA) được ký kết và hiệp định này chính thức có hiệu lực từ ngày 10-12-2001. Đây là hiệp định thương mại đầu tiên Việt Nam đàm phán trên cơ sở các nguyên tắc của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Sau 14 vòng đàm phán đa phương và kết thúc đàm phán song phương với 28 nước đối tác có yêu cầu, ngày 7-11-2006, Việt Nam đã được kết nạp vào WTO, trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức này. Ngày 29-11-2006, Quốc hội nước ta đã phê chuẩn hiệp định ký kết với WTO và ngày 10-1-2007, Ban thư ký của WTO nhận được văn bản phê chuẩn của Việt Nam, theo quy định của WTO, Việt Nam đã chính thức là thành viên của tổ chức này.

Ngày 31-12-2015, Việt Nam và các nước thành viên ASEAN đã ký hiệp định thành lập cộng đồng ASEAN dựa trên 3 trụ cột chính: Cộng đồng kinh tế-xã hội, cộng đồng an ninh, cộng đồng văn hóa.

Trở thành thành viên của ASEAN, Việt Nam tham gia các hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do như ASEAN-Trung Quốc, ASEAN-Nhật Bản, ASEAN-Ấn Độ, ASEAN-Hàn Quốc.

Năm 2015, Việt Nam đã ký kết các hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do song phương với một số tổ chức và quốc gia trên thế giới như:

Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do Việt Nam-Liên minh kinh tế Á-Âu (gồm Liên bang Nga và 6 nước thuộc Liên Xô cũ); Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do Việt Nam-Liên minh Châu Âu (EU), gồm 28 nước; Hiệp định thành lập Khu vực tự do song phương Việt Nam-Hàn Quốc...

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng, giải quyết, khắc phục được tình trạng khủng hoảng thị trường xuất nhập khẩu sau khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu tan rã, cũng như hạn chế các tác động tiêu cực của bên ngoài như cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực bắt đầu từ năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008... Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã tạo điều kiện để mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp nhận nguồn vốn ODA, tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ nguồn nhân lực, kinh nghiệm quản lý, góp phần nâng cao sức cạnh tranh, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Qua 30 năm đổi mới, thực hiện đường lối đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, nước ta đã mở rộng và đưa vào chiều sâu quan hệ với tất cả các đối tác. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 185 nước, quan hệ kinh tế với 224 nước và vùng lãnh thổ, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước. Việt Nam là thành viên của hầu hết các tổ chức khu vực và quốc tế lớn. Bên cạnh quan hệ kinh tế, đã mở ra quan hệ chính trị, quốc phòng an ninh, văn hóa, khoa học-công nghệ... với nhiều đối tác. Về phương thức và loại hình quan hệ đối ngoại, ta đã khai thác hiệu quả các kênh song phương, đa phương, phát triển và gia tăng sự hợp tác giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, và đối ngoại nhân dân.

Về đầu tư, đã thu hút được trên 250 tỷ USD đầu tư nước ngoài (FDI). Nhiều nhà đầu tư lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia đã và đang đặc biệt quan tâm đến Việt Nam, trong bối cảnh môi trường đầu tư đang tiếp tục được cải thiện. Trong thời gian qua, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đã có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo, xây dựng các công trình y tế, giáo dục, góp phần thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, thể hiện niềm tin và sự tin nhiệm của các nhà đầu tư đối với Việt Nam. Tuy nhiên, khi trở thành nước có thu nhập trung bình, nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á cũng như các định chế tài chính khác sẽ chấm dứt theo quy định chung, điều đó đòi hỏi Việt Nam phải có định hướng trong giai đoạn chuyển tiếp đối với việc tiếp nhận và sử dụng ODA một cách hiệu quả. Trước đây nguồn vốn ODA được thực hiện chủ yếu theo cơ chế cấp phát (nghĩa là vay và cấp phát cho các dự án), hiện nay cần tăng dần tỷ lệ cho vay lại để nâng cao trách nhiệm trong việc sử dụng nguồn vốn ODA của các bộ ngành địa phương.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế 30 năm đổi mới cũng bộc lộ những hạn chế:

Sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế còn hạn chế, yếu. Cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng chưa được cải thiện căn bản; các ngành kinh tế, các doanh nghiệp mang tính mũi nhọn, có khả năng vươn ra chiếm lĩnh thị trường khu vực và thế giới chưa nhiều, chưa có khả năng đi đầu, kéo các ngành các doanh nghiệp khác cùng phát triển. Một số sản phẩm đã bắt đầu gặp khó khăn trong cạnh tranh, cơ cấu xuất khẩu còn nghèo nàn, tập trung vào các mặt hàng như nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép...

Cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút đầu tư FDI chậm được đổi mới, tại một số địa phương còn

chạy theo số lượng các dự án, chưa quan tâm đến chất lượng, công nghệ, chưa đảm bảo công nghệ trong lĩnh vực Việt Nam cần đổi mới mô hình tăng trưởng. Nhiều dự án đầu tư chưa quan tâm đầy đủ đến tác động môi trường gây ra những hậu quả tiêu cực về môi trường sinh thái như dự án của Formosa đối với các tỉnh miền Trung vừa qua.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN chưa được hoàn thiện theo các tiêu chuẩn phổ biến của kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Đặc biệt vai trò của kinh tế tư nhân với tư cách động lực quan trọng của nền kinh tế và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước còn chưa được làm sáng tỏ để tạo sự đồng thuận, huy động các nguồn lực to lớn cho đầu tư phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực còn chậm được cải thiện. Đây là những thách thức lớn đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác quản lý điều hành của Nhà nước chậm được đổi mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng. Các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp nhiều khi tỏ ra lúng túng, thiếu chủ động xử lý những vấn đề phát sinh khi thực thi các cam kết hội nhập. Cơ chế chính sách nhìn chung thiếu đồng bộ giữa các bộ, ngành, nhất là về nguồn nhân lực chính sách thuế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ và cơ sở hạ tầng.

Tính đồng bộ gắn kết giữa các lĩnh vực chưa cao, công tác phối hợp về hội nhập giữa các bộ, ngành, giữa các cơ quan trung ương và địa phương với doanh nghiệp chưa tốt. Nhiều vấn đề mang tính liên ngành chậm được xử lý, đặc biệt trong lĩnh vực nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển hài hòa các yếu tố thị trường. Thêm vào đó, hội nhập kinh tế quốc tế chưa được thực sự ưu tiên so với các lĩnh vực hợp tác khác.

Khả năng nhận định, dự báo đánh giá tình hình quốc tế và khu vực tác động đến Việt Nam còn hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư để nắm bắt các xu hướng vận động của thế giới để từ đó có đối sách phù hợp. Các vấn đề về cơ chế nhận biết, cảnh báo sớm trong các lĩnh vực hội nhập kinh tế trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới còn yếu, công tác tham mưu, tư vấn chính sách còn nhiều hạn chế.

Sau 30 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và đạt được những thành tựu quan trọng; mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế là cánh cửa để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 523
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2007, T. 47, tr. 415
- 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb CTQG, H, 1991, tr. 119, 147
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb CTQG, H, 1998, tr. 60
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 120
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb CTQG, H, 2004, tr. 87-88
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 39-40
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 235-236
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 153.